TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-PT
Ngày 31 -10 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Lê Văn T, sinh năm 1928 (chết ngày 15/10/2017)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Văn T: Ông Lê Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Văn T:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1952
2. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1956
3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1962
4. Bà Lê Kim H, sinh năm 1964
5. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1966
6. Bà Lê Thị T, sinh năm 1970
7. Bà Lê Thị H, sinh năm 1976
8. Bà Lê Thị V, sinh năm 1978

9. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1978

10. Bà Lê Thị C, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà L, bà H1, ông H2, bà T, bà H, bà V, bà L1, bà C: Ông Lê Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2018). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai Xuân D, sinh năm 1954; địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Tố U (không xác định được địa chỉ) Vắng mặt.

2. Anh Mai Xuân Anh K, sinh năm 1985

3. Anh Mai Xuân Minh T, sinh năm 1982

4. Chị Mai Xuân Hoàng N, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K, anh T, chị N: Ông Mai Xuân D, sinh năm 1954; địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Lê Văn T: Ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Văn T là ông Lê Văn H trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Văn T có yêu cầu ông Mai Xuân D trả phần đất có diện tích là 720,1m^2 đất tại khóm 5, phường H, thị xã G theo đo đạc thực tế ngày 12/12/2017 đất cụ thể như sau:

Hướng Đông: giáp đất ông Mai Xuân D dài 45,43m;

Hướng Tây: giáp đất Lương Thị V – Lương Văn H dài 39m + 5,63m;

Hướng Nam: giáp đất Lê Văn H dài 16m;

Hướng Bắc: giáp giải tỏa 13m QL1A dài 16m.

Về nguồn gốc đất cụ T có yêu cầu có nguồn gốc là của ông nội ông Huỳnh tên Thái Văn D để lại, năm 1970 cụ D cho lại cụ Lê Văn T, đến khoảng năm 1975 thì cụ T có cho ông Phạm Văn Đ mượn phần đất là cái nền nhà để ở, đến khoảng năm mấy ông Đ vượt biên thì ông H không nhớ, sau khi ông Đ vượt biên thì phần nền nhà này Nhà nước mới cấp cho ông Mai Xuân D.

Trước khi ông Đ vô ở thì phần đất này là đất trũng, nhưng có một phần nền đìa đủ để cất nhà và cũng có đìa (đìa tranh chấp bây giờ), đìa này do gia đình ông H đào và có chừa một phần làm đường đi ngang 03m, đến năm 1997 thì ông D khoan đất đìa để đắp nền nhà và làm sụp luôn đường đi của gia đình ông.

Về quá trình sử dụng cái đìa là đất tranh chấp thì gia đình ông H vẫn giăn lưới bắt cá, còn bên ông D đắp bờ thì chúng tôi ngăn cản không cho đắp bờ. Ông D có thả cá nhưng khi ông thả cá chúng tôi vẫn giăng lưới bắt cá nhưng phía ông D cũng không có ý kiến gì. Đến năm 1997 thì đất phát sinh tranh chấp, lý do phát sinh tranh chấp do gia đình ông H giăng lưới bắt cá thì ông D nói đất nhà nước cấp cho ông D nên ông H không đồng ý và xác định nhà nước chỉ cấp cho ông D cái nền nhà và cái nhà chứ không có nói là cấp cái đìa. Bên cạnh đó khi ông D sên ao và nạo vét thì ông Huỳnh là người đứng ra ngăn cản không cho ông D nạo vét. Khi ngăn cản ông Huỳnh có trình báo địa phương là ông S – Tư pháp và ông S Phó Chủ tịch thị trấn H (lúc trình báo là năm 1997). Từ khi trình báo thì gia đình ông H có yêu cầu cho đến bây giờ.

Nay ông Lê Văn H là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Văn T có yêu cầu ông Mai Xuân D trả lại phần đất nêu trên.

Bị đơn ông Mai Xuân D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Mai Xuân Anh K; Mai Xuân Minh T, Mai Xuân Hoàng N là ông Mai Xuân D trình bày:

Về nguồn gốc đất trước đây của ai thì ông D không biết, nhưng khi ông D được UBND cấp nền nhà của Phạm Văn Đ theo quyết định số 154/QĐ-UB ngày 04/6/1981 thì ông sử dụng toàn bộ khu đất bao gồm cái nền nhà và sử dụng luôn cả cái ao cập bên nhà để làm ao thả cá, cải thiện đời sống (cái ao này là cái ao hiện đang có tranh chấp bây giờ).

Vợ chồng ông D sử dụng từ lúc được cấp đất cho đến bây giờ là 38 năm. Trong thời gian ông D sử dụng cái ao này thì bên ông T không có ý kiến gì. Quá trình sử dụng ao ông D có thả cá, tát ao, cải tạo để nuôi cá. Đến năm 2015 thì phát sinh tranh chấp, lý do phát sinh tranh chấp là do ông D đi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T không đồng ý ký giáp ranh và nói là đất của ông T nên từ đó mà phát sinh tranh chấp.

Năm 2015 chỉ tranh chấp 08m (ngang) mỗi bên là ½ đìa, ông D không đồng ý với lý do ông D xác định là UBND giao cho ông D toàn bộ khu đất của ông Phạm Văn Đ. Việc yêu cầu này có ra UBND phường hòa giải.

Năm 2017 thì ông T yêu cầu trả là 16m ngang ông D cũng không đồng ý. Sự việc này đã được UBND phường hòa giải lần 2.

Khi Nhà nước làm lộ vào năm 2002, giải phóng mặt bằng nâng cấp quốc lộ 1A thì ông D là người nhận tiền đền bù, giải tỏa đói với phần đất giáp lộ nằm ngay phía trước đất tranh chấp.

Trước đó ông D có xin đi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất thì có bà Lương Thị V; Trần Thị Bạch V; ông Lê Văn T và ông Lê Văn H ký vào tứ cận. Nên khi ký như vậy thì đã xác định là đất của ông D thì không lý do gì ông T lại nói là đất của ông T

để ông đi kiện ông D. Từ đó, ông D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Tố U đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cụ Lê Văn T là luật sư Tạ Nguyệt T trình bày:

Quá trình sử dụng đất ông Lê Văn T đã chứng minh được nguồn gốc đất do ông Thái Văn D là cha dượng để lại cho ông T theo khế ước ngày 16/02/1959. Đến năm 1997 phát sinh tranh chấp với ông D và theo đơn xác nhận ngày 26/02/1997 và 27/02/1997 không đề cập đến đất ao là do đất ao ông T đang quản lý, sử dụng. Năm 2015 khi phát sinh tranh chấp thì tại phiên hòa giải ông H cũng xác định cái ao ông cũng giăng lưới, bắt cá mà ông D không có ý kiến. Bên cạnh đó, quá trình sử dụng đất của ông D ngoài quyết định được cấp đất thì ông không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh là phần đất tranh chấp là của ông vì thửa đất ở và thửa đất tranh chấp là hai thửa đất khác nhau. Từ đó yêu cầu xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: đối với ông Thái Văn D là cha dượng của cụ T, quá trình làm việc xác định ông Lê Văn K là nhầm lẫn (ông K là cha ruột ông T).

Bị đơn ông Mai Xuân D vẫn giữ nguyên ý kiến và trình bày bổ sung: Quá trình sử dụng đất ông là người quản lý ao và sử dụng, ông T hoàn toàn không có sử dụng. Về quá trình đăng ký mục kê đất đai do lúc này ông đi làm nên đoàn đo đạc đất đến thì bà U (vợ ông D) ở nhà chỉ đất nên đứng tên bà U.

Về đất được cấp: Lúc cấp đất năm 1981 có ông Huỳnh Long T xuống chỉ đất, khi giao đất không có làm biên bản mà chỉ nói là toàn khu đất của ông Phạm Văn Đ và hiện tại ông T đã chết. Về đường đi, trước đây là 01 cái bờ cũng không biết là của ai nhưng sau này ông T đã bán đất cho ông T, sau đó ông T chuyển nhượng lại cho ông Tuấn B. Còn phần đìa là của tôi, không có phần đường đi của ông T.

Thời điểm năm 1997 ông D cũng xác định không có sự việc tranh chấp giữa ông T và ông D mà tranh chấp từ năm 2015.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Văn T (do ông Lê Văn H là người đại diện của cụ Lê Văn T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T là Lê Văn H1; Lê Thị L; Lê Kim H; Lê Văn H2; Lê Thị T; Lê Thị H; Lê Thị V; Lê Thị L1 và Lê Thị C) có yêu cầu ông Mai Xuân D trả phần đất diện tích là 720,1m^2 đất tại khóm 5, phường H, thị xã G có vị trí như sau:

Hướng Đông: giáp đất ông Mai Xuân D dài 45,43m;

Hướng Tây: giáp đất Lương Thị V – Lương Văn H dài 39m + 5,63m;

Hướng Nam: giáp đất Lê Văn H dài 16m;

Hướng Bắc: giáp giải tỏa 13m QL1A dài 16m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Lê Văn T là ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ bản án số 10/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G. Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm công nhận 720,1m^2 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Văn H nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét thấy, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Lê Văn T là ông Lê Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm công nhận 720,1m^2 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn T.

[4] Qua biên bản đo đạc thực tế ngày 12/12/2017 xác định phần đất tranh chấp có diện tích 720,1m^2. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn xác định nguồn gốc đất là do ông Lê Văn T được ông Thái Văn D cho và ông T cung cấp kế ước ngày 16/02/1959 cùng xác nhận của nhiều người; ông Mai Thanh D xác định nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) cấp cho ông theo Quyết định số 154/QĐ-UB ngày 04/06/1982.

[5] Ông Huỳnh Văn T cung cấp văn bản khế ước là của chính quyền cũ, văn bản khế ước không thể hiện vị trí thửa đất cũng như diện tích đất có phần đất tranh chấp hay không, ngoài ra còn có xác nhận của một số người không rõ địa chỉ và nội dung xác nhận không phù hợp theo trình bày của nguyên đơn.

[6] Nguyên đơn xác định đã sử dụng đất từ trước đến nay, có giăng lưới bắt cá. Đến năm 1997, ông D nạo vét ao thì cụ T không cho và trình báo chính quyền địa phương là ông Võ Hồng S và ông Bùi Thanh S giải quyết. Tuy nhiên, ông S xác định thời điểm năm 1997 không nhận được đơn yêu cầu của cụ T và ông S

không nhớ thời điểm 1997 có nhận đơn yêu cầu về việc tranh chấp đất của cụ T hay không và cũng từ thời điểm năm 1997 đến năm 2015 thì không nghe có sự tranh chấp (bút lục 221, 223).

[6.1] Qua xác minh những người làm chứng: Ông Liên Văn U xác định nguồn gốc đất là của cha ruột ông T cho ông T, từ lúc ông U ở địa phương cho đến năm 1997 không nghe có tranh chấp và nội dung xác nhận của ông U năm 1997 ông cũng không nhớ (bút lục 226). Tuy nhiên, theo đơn xác nhận ngày 27/02/1997 và đơn yêu cầu ngày 26/02/1997 chỉ thể hiện ông H có yêu cầu là nhà và nền nhà không có yêu cầu phần đất tranh chấp là cái đìa. Ông Huỳnh L xác định đất tranh chấp là do ông Minh M mượn cho công nhân máy kéo ở. Từ đó đến nay ông D không trả lại đất (bút lục 52). Thực tế, Ủy ban nhân dân huyện G đã có quyết định cấp cho ông Mai Xuân D, ông L xác định ông là trưởng ấp vào năm 1981 nhưng không biết sự việc ông D được Ủy ban huyện giao đất là không hợp lý. Ngoài ra, ông H xác định đất là cho ông Phan Văn Đ mượn để cất nhà ở tạm nhưng ông không có chứng cứ chứng minh việc cho ông Đ mượn đất nên không có căn cứ để xem xét.

[6.2] Ông D xác định: Ông sử dụng đất tranh chấp từ năm 1982 đến nay. Khi nhà nước cấp nền nhà cho ông đã có ao đìa kế bên, ông đã sử dụng liên tục và có những người cùng xóm như ông Phạm Thanh H, ông Huỳnh Ngọc M, ông Ngô Văn T xác định ông D là người sử dụng và canh tác trên phần đất đang tranh chấp (cái ao, đìa) với ông T. Ông D liên tục sử dụng đất tranh chấp liên tục từ khi được giao đất cho đến nay là phù hợp trên thực tế. Vì các nhân chứng là ông T, ông H, ông M, bà H, ông K, bà V là những người địa phương, sống cạnh phần đất tranh chấp và không có mâu thuẫn với nguyên đơn, bị đơn nên lời trình bày việc ông D sử dụng cái ao đang tranh chấp như giăng lưới, bắt cá, thả cá là khách quan, có xảy ra trên thực tế.

[7] Mặc khác, ông D sử dụng phần đất tranh chấp đã đăng ký, kê khai với Cơ quan có thẩm quyền do bà Huỳnh Thị Tố U là vợ cũ của ông đứng tên sổ mục kê và ông D được Nhà nước bồi thường dự án khôi phục Quốc lộ 1A, WB3, Đoạn Cần Thơ – Cà Mau với số tiền 24.092.416 đồng (đoạn đền bù nằm trên phần đất xảy ra tranh chấp – bút lục 126).

Do nguyên đơn chỉ nêu ra trình bày, không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên không có căn cứ xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Huỳnh; có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 3 khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2, 5 Điều 26, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Văn T (do ông Lê Văn H là người đại diện của cụ Lê Văn T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T là Lê Văn H1; Lê Thị L; Lê Kim H; Lê Văn H2; Lê Thị T; Lê Thị H; Lê Thị V; Lê Thị L1 và Lê Thị C) yêu cầu ông Mai Xuân D trả phần đất diện tích là 720,1m^2 đất tại khóm 5, phường H, thị xã G có vị trí như sau:

Hướng Đông: giáp đất ông Mai Xuân D dài 45,43m;

Hướng Tây: giáp đất Lương Thị V – Lương Văn H dài 39m + 5,63m;

Hướng Nam: giáp đất Lê Văn H dài 16m;

Hướng Bắc: giáp giải tỏa 13m QL1A dài 16m.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Ông Lê Văn H và các đồng thừa kế của cụ Lê Văn T là Lê Văn H1; Lê Thị L; Lê Kim H; Lê Văn H2; Lê Thị T; Lê Thị H; Lê Thị V; Lê Thị L1 và Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới phải chịu 750.000đ. Ông H đã nộp tiền chi phí đo đạc, thẩm định và định giá là 2.000.000đ đã hoàn trả cho ông H là 1.250.000đ.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H và các đồng thừa kế của cụ Lê Văn T là Lê Văn H1; Lê Thị L; Lê Kim H; Lê Văn H2; Lê Thị T; Lê Thị H; Lê Thị V; Lê Thị L1 và Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới phải chịu 300.000đ. Ông H đã dự nộp tiền án phí là 1.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008860 ngày 31/7/2017 được chuyển thu án phí 300.000đ, ông H được nhận lại 700.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014137 ngày 14

tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TX G;
- CCTHADS TX G;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.